TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **235**/2025/QĐST-HNGĐ	*Đồng Nai, ngày 19 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI

Căn cứ khoản 2 Điều 149, 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 83/2025/TLST-VHNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Bà Phạm Hồng T, sinh năm 1978.

2. Ông Trương Minh M, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: B40, tổ H, khu phố N, phường B, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai) cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, không chăm sóc cho nhau trong cuộc sống gia đình. Nay hai bên xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà T và ông M có 02 con chung là cháu Trương Trung T1, sinh năm 2003 và cháu Trương T N, sinh năm 2004. Khi ly hôn, cháu T1 và cháu N đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Bà T và ông M khai tự thoả thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà T và ông M khai không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] Về Lệ phí Tòa án: Bà T và ông M phải nộp theo quy định của pháp luật.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải đoàn tụ không thành ngày 11 tháng 8 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Hồng T và ông Trương Minh M thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Cháu Trương Trung T1, sinh năm 2003 và cháu Trương T N, sinh năm 2004 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thoả thuận.

- Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Phạm Hồng T và ông Trương Minh M phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007761 ngày 21/7/2025 của Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 1 – Đồng Nai.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các điều 7, 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 1 – Đồng Nai;
- Phòng THADS Khu vực 1 – Đồng Nai;
- Nơi ĐKKH (UBND P. Trấn Biên - Giấy CNKH số 81/2022);
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Mạnh Tuấn